

CÔNG TY TNHH DƯỢC THẢO PHỤC HỒI DNA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC THẢO PHỤC HỒI DNA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DNA HERBAL RECOVERY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DNA RECOVERY HERBAL CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109164077

3. Ngày thành lập: 23/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 23, Đường Nguyễn Văn Giáp, Tổ 4, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: dungvicen@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
2.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
3.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
4.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc - Sản xuất thuốc cổ truyền.	2100
5.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
9.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn - Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
18.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
21.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
22.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
25.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
26.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
27.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
28.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
29.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
30.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
31.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
32.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
33.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

34.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
35.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh trò chơi điện tử qua mạng)	4764
36.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
37.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ trang thiết bị, máy móc, vật tư y tế; - Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh khác	4772
38.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
39.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
41.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
42.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
43.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
44.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
45.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá bán lẻ qua Internet)	4791
46.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
49.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
50.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5629
51.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
52.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ phát hành chương trình truyền hình)	5913

53.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản sách nhạc và bản nhạc)	5920
54.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (Trừ loại nhà nước cấm)	6820
55.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
60.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
61.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
62.	Quảng cáo	7310
63.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
64.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7410
65.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420

66.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường - Tư vấn lập kế hoạch đánh giá môi trường chiến lược - Tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường - Hoạt động quan trắc môi trường - Khai thác nước dưới đất - Tư vấn cấp giấy phép tài nguyên nước - Tư vấn hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Tư vấn cấp phép xử lý chất thải nguy hại - Tư vấn hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Tư vấn xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	7490
67.	Hoạt động thú y	7500
68.	Cho thuê xe có động cơ	7710
69.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
70.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
71.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
73.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
74.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động trung tâm dịch vụ việc làm theo Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định về thành lập và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
75.	Đại lý du lịch	7911
76.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
77.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
78.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
79.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
80.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
81.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
82.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
83.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

84.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
85.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
86.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
87.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
89.	Giáo dục nhà trẻ	8511
90.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
91.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
92.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Tư vấn du học	8560
93.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
94.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Chi tiết: - Cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà ; - Cơ sở chăm sóc điều dưỡng;	8710
95.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
96.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
97.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
98.	Hoạt động thể thao khác	9319
99.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
100.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
101.	Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu	9499
102.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
103.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
104.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
105.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
106.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
107.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
108.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529

109.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xoa bóp, gồm: Sử dụng phương pháp vật lý trị liệu để xoa bóp (massage), tắm quất phục vụ sức khỏe con người	9610
110.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
111.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
112.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
113.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chăm sóc da (không dùng phẫu thuật, không gây chảy máu)	9639
114.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
115.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
116.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
117.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
118.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
119.	Trồng cây mía	0114
120.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
121.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
122.	Trồng cây hàng năm khác	0119
123.	Trồng cây ăn quả	0121
124.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
125.	Trồng cây điều	0123
126.	Trồng cây hồ tiêu	0124
127.	Trồng cây cao su	0125
128.	Trồng cây cà phê	0126
129.	Trồng cây chè	0127
130.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
131.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
132.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
133.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
134.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
135.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
136.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
137.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
138.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
139.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
140.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040

141.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
142.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062(Chính)
143.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
144.	Sản xuất đường	1072
145.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
146.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
147.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
148.	Sản xuất chè	1076
149.	Sản xuất cà phê	1077
150.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
151.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
152.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
153.	Sản xuất rượu vang	1102
154.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
155.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
156.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
157.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
158.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
159.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181006402

Ngày cấp: 01/12/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 23, Đường Nguyễn Văn Giáp, Tổ 4, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 23, Đường Nguyễn Văn Giáp, Tổ 4, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội